



CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 2/2025

CTCP Hoàng Anh Gia Lai

Ngày 30/06/2025	12,950 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	-0.8%	6.1%	3.6%

DT thuần Q2/25
2,327
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 947 68.7%
YoY: ▲ 806 53.0%

LN thuần Q2/25
527
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 160 43.6%
YoY: ▲ 252 91.7%

LN sau thuế Q2/25
519
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 159 44.3%
YoY: ▲ 245 89.5%

Tỷ suất lãi EBIT Q2/25
30.8%
YoY: +/- ▼ 5.5%

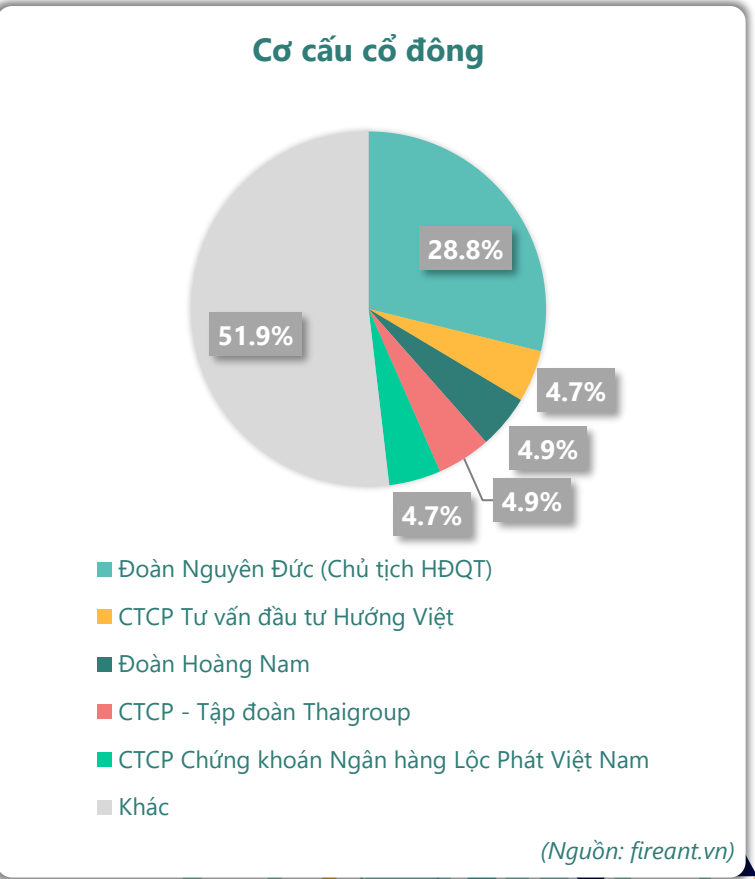
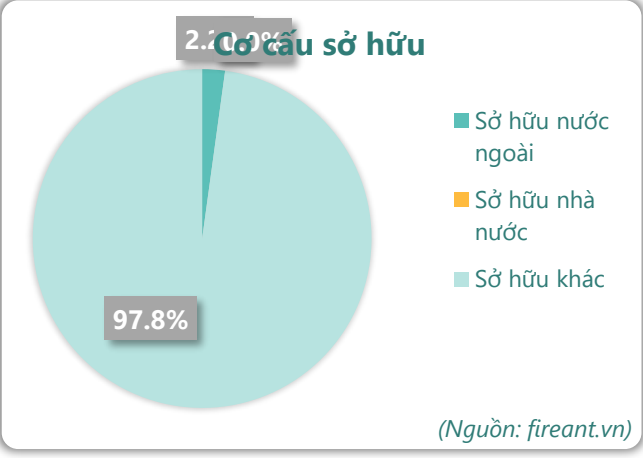
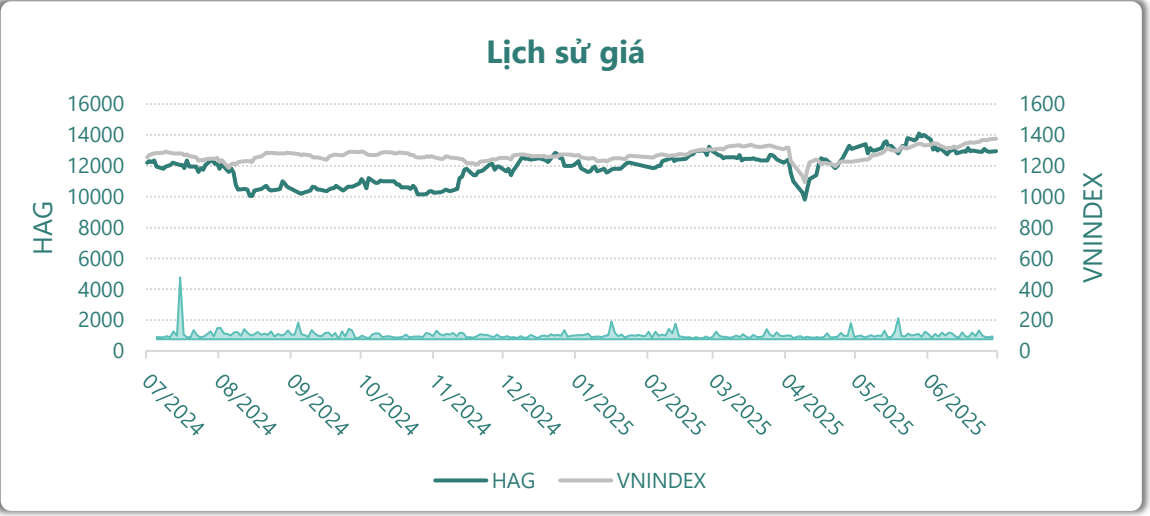
ROE (TTM) Q2/25
14.5%
YoY: +/- ▲ 1.0%

Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	9,810 - 14,100
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	13,693
Số lượng CPLH (CP)	1,057,399,283
KLGD BQ 20 phiên (CP)	12,613,905
Sở hữu nước ngoài	2.2%
Beta	1.03
EPS	1,292
P/E	10.0

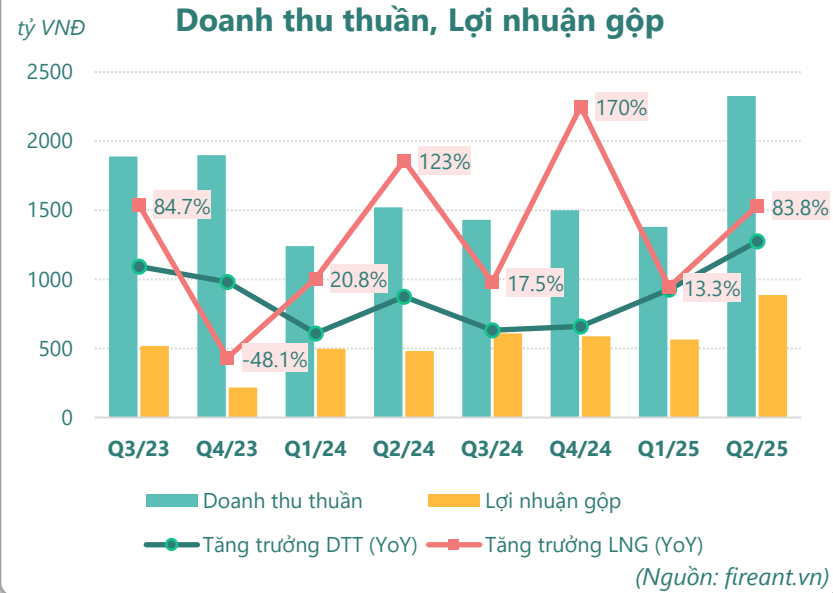
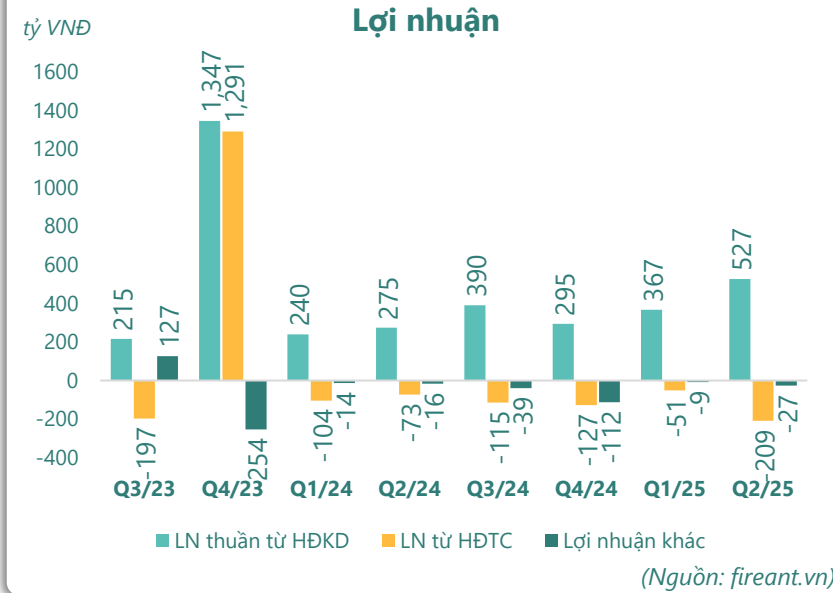
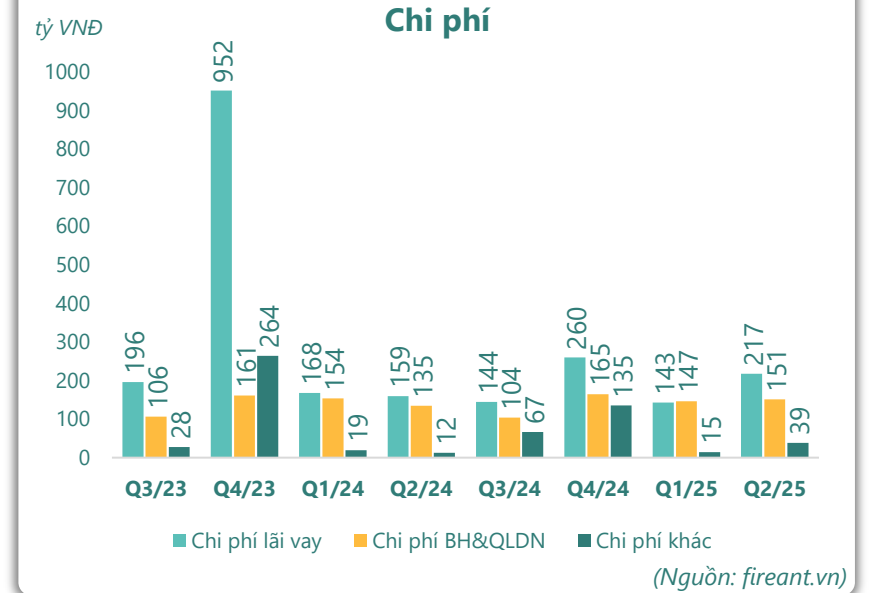
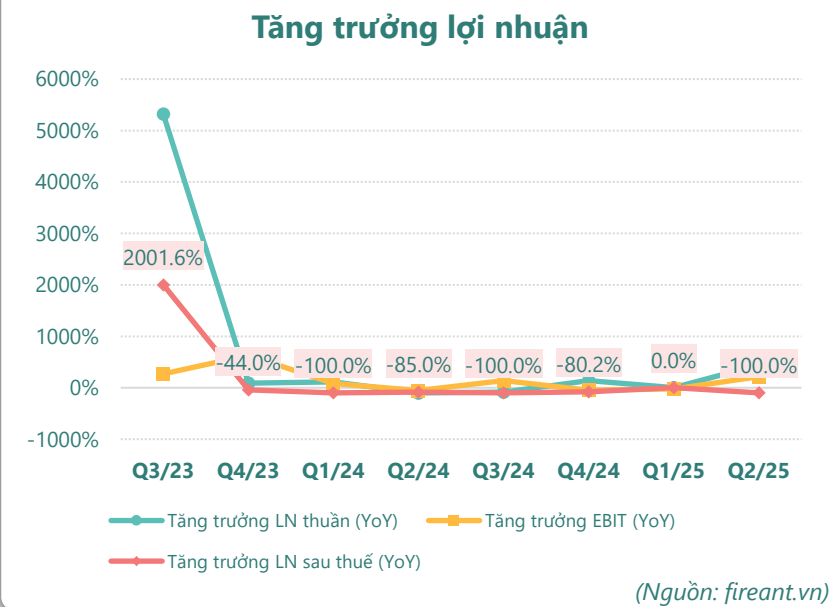
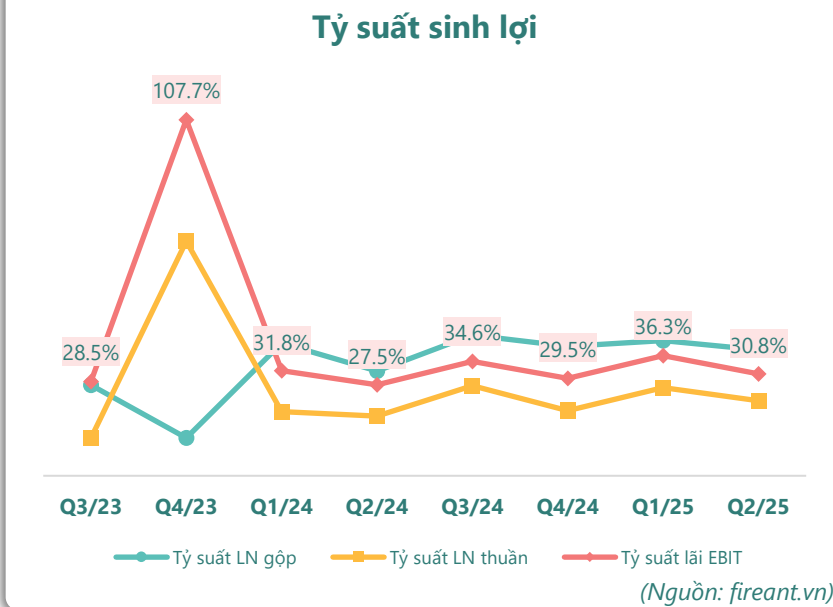
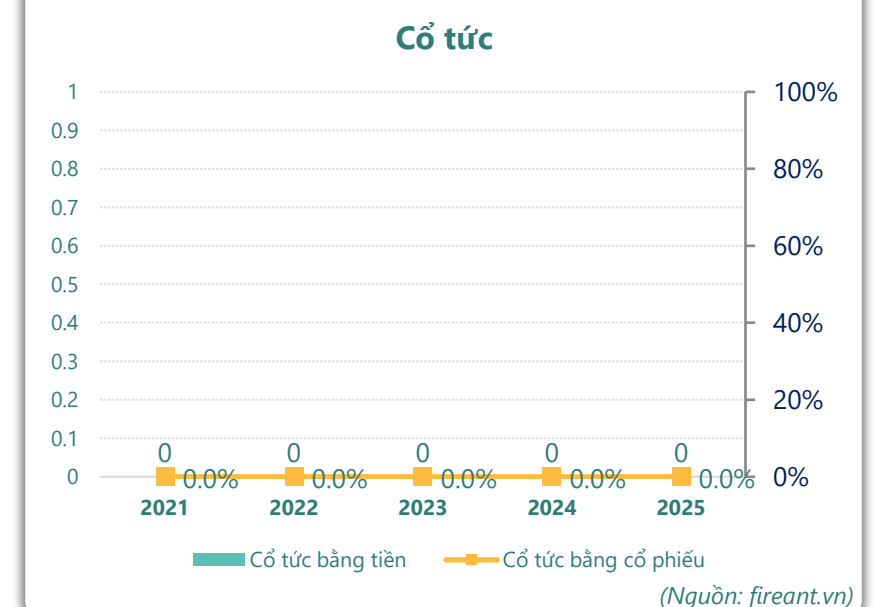
DT thuần 6T 2025
3,707
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 945 34.2%

LN thuần 6T 2025
894
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 379 73.7%

LN sau thuế 6T 2025
880
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 380 75.9%



KẾT QUẢ KINH DOANH



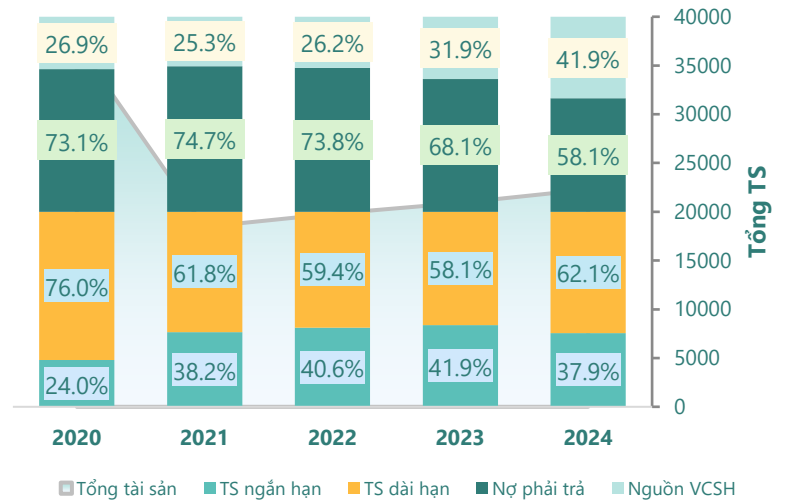


TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản

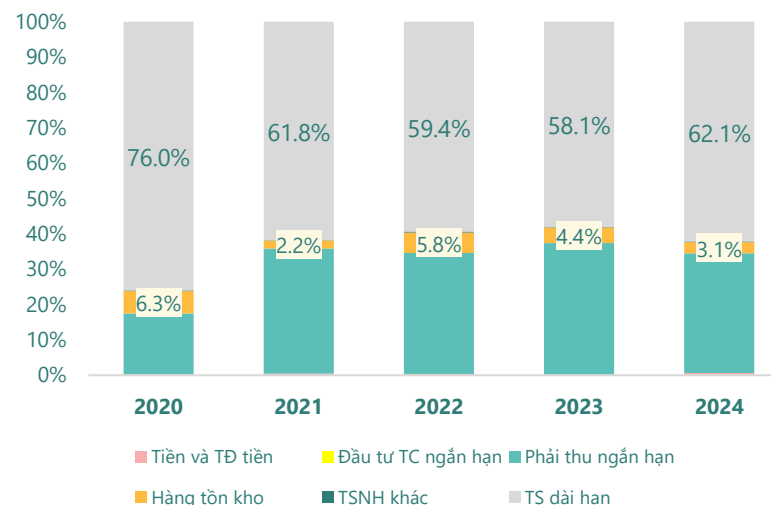
tỷ VNĐ

Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

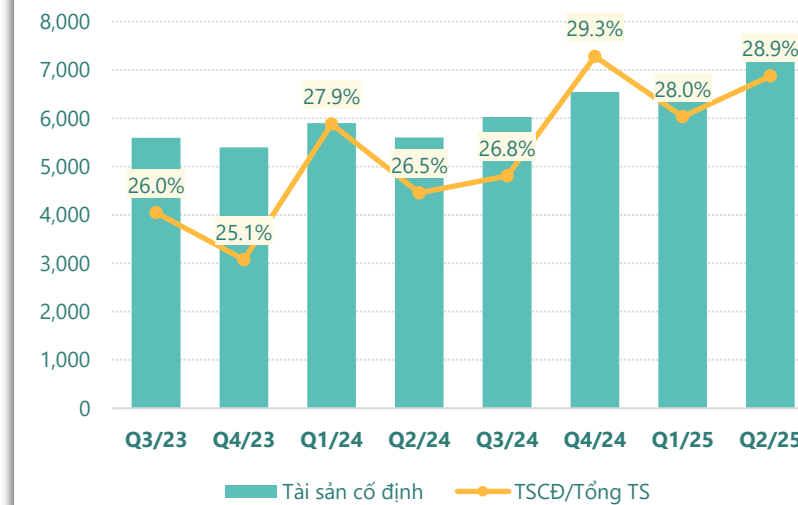
Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

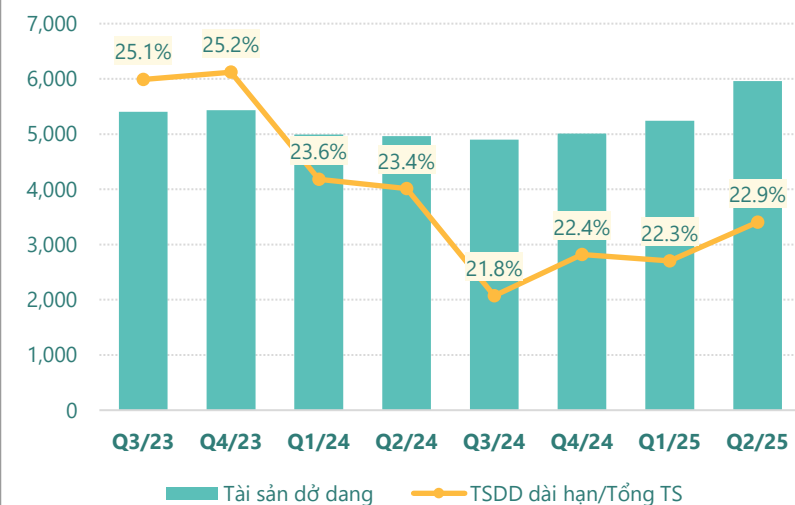
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

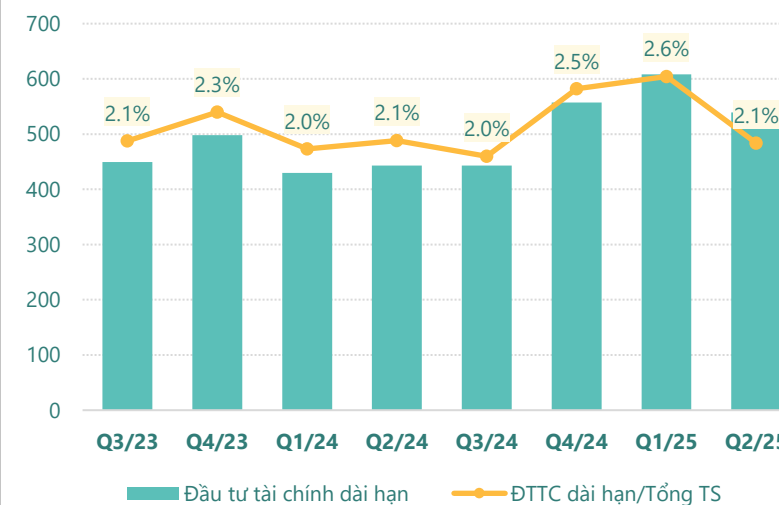
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

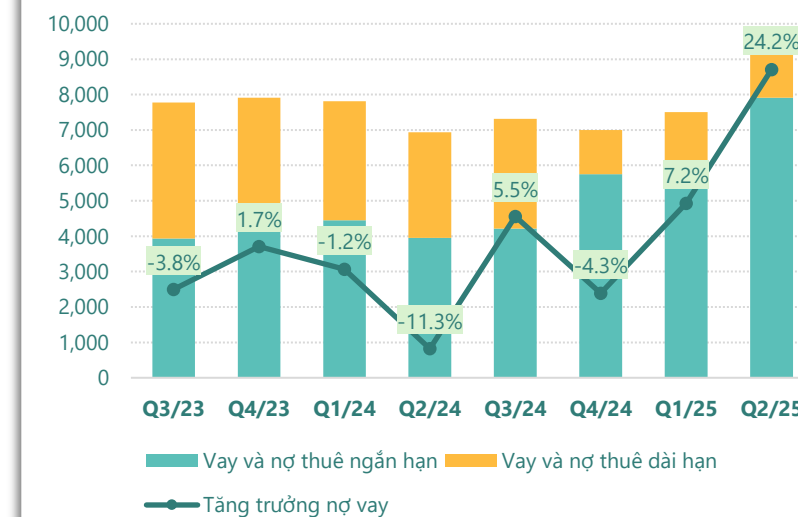
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay

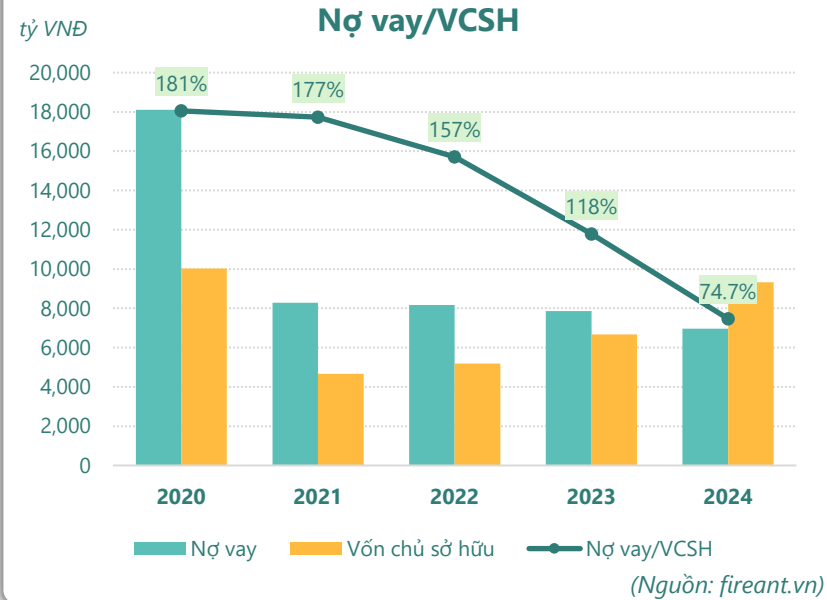
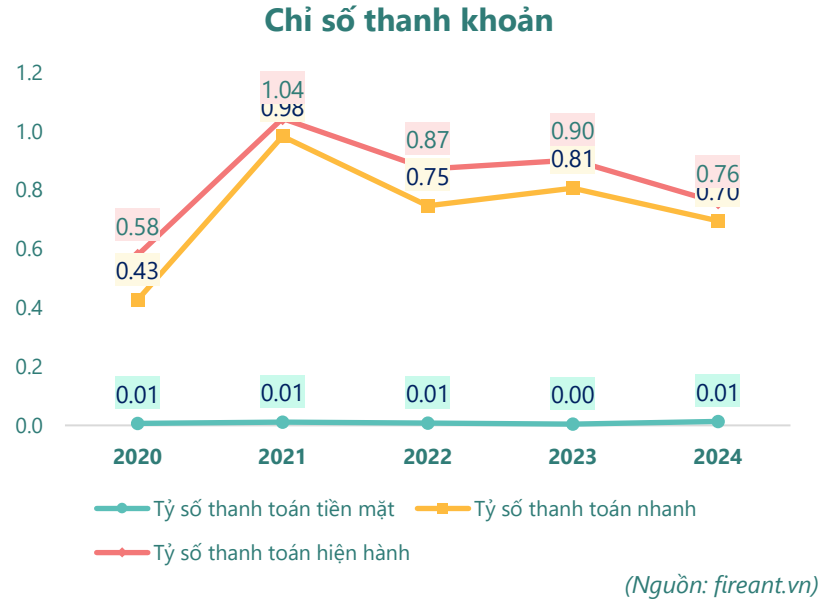
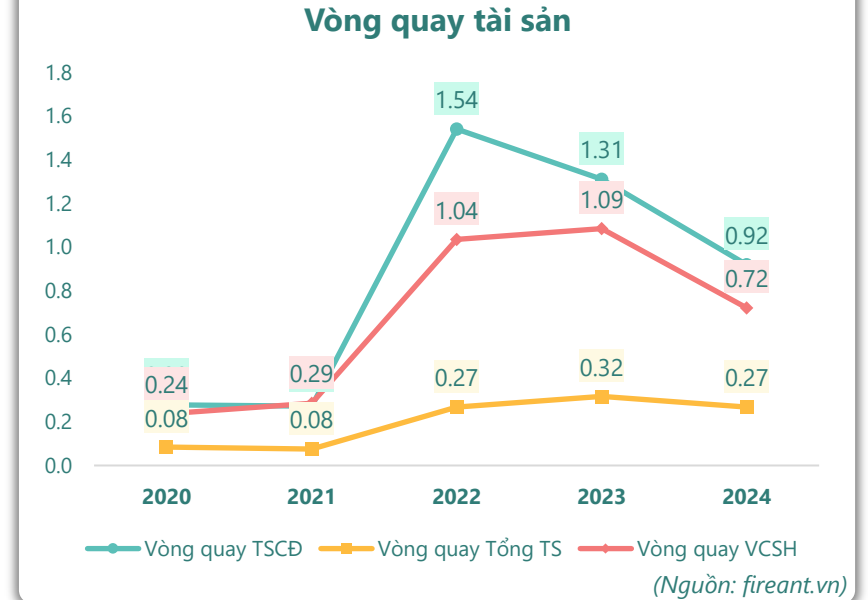
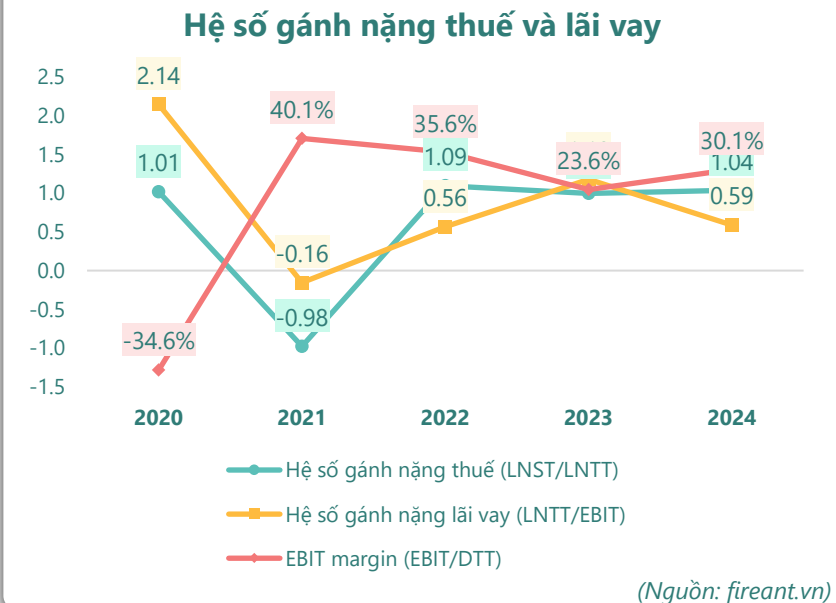
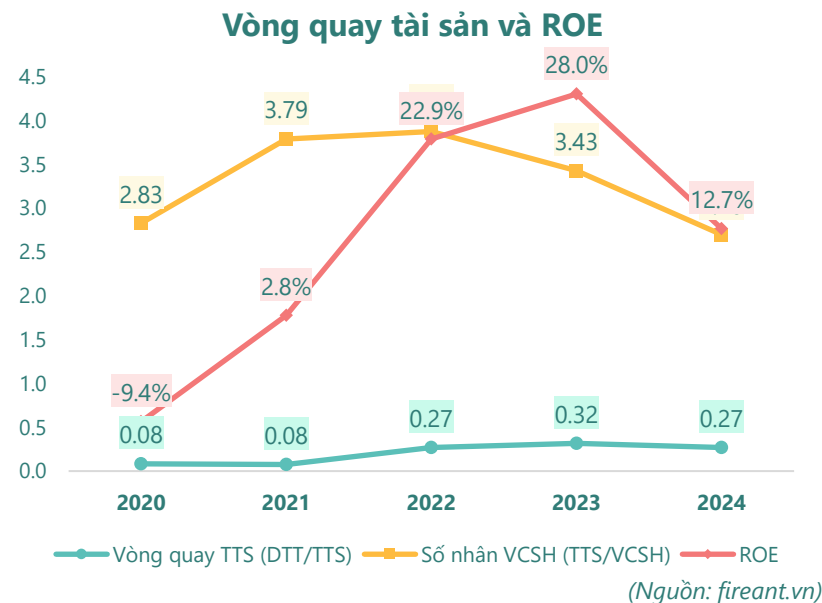
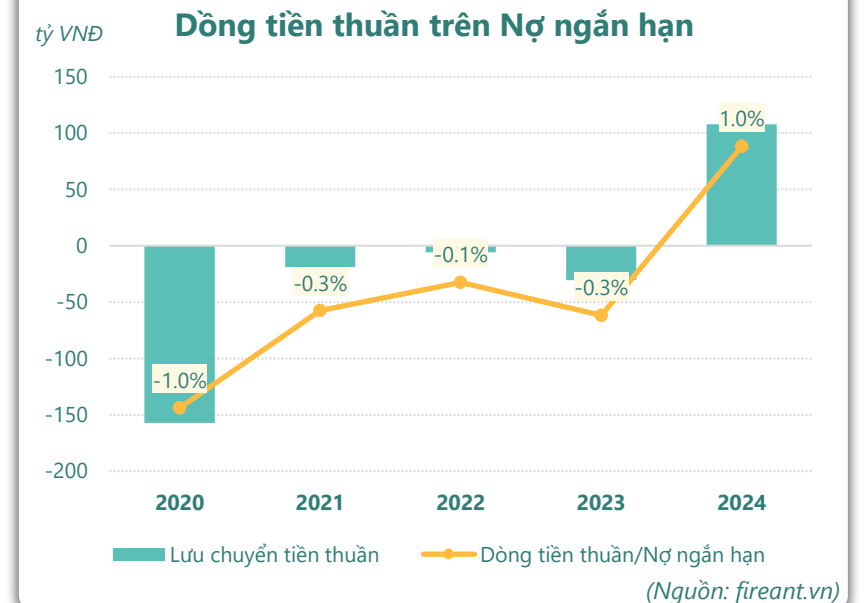
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)



HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG





KẾT QUẢ KINH DOANH

(tỷ VNĐ)	Q2/25	Q2/24	Thay đổi YoY	6T 2025	6T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	2,327	1,521	53.0%	3,707	2,762	34.2%
Giá vốn hàng bán	1,441	1,039	38.7%	2,256	1,781	26.6%
Lợi nhuận gộp	887	482	84.0%	1,451	981	48.0%
Doanh thu HĐTC	77.6	89.9	-13.7%	136	163	-16.7%
Chi phí TC	286	163	75.7%	395	340	16.2%
Chi phí lãi vay	217	159	36.7%	360	327	10.1%
LN trong công ty LKLD	0	0.00		0	0	
Chi phí bán hàng	108	87.1	23.9%	218	202	7.8%
Chi phí QLDN	42.9	47.6	-9.9%	79.4	86.3	-8.0%
LN thuần từ HĐKD	527	275	91.7%	894	515	73.7%
Lợi nhuận khác	-26.7	-15.7	-70.1%	-35.5	-29.4	-20.8%
LN trước thuế	500	259	93.2%	859	486	76.9%
Lợi nhuận sau thuế	519	274	89.5%	880	500	75.9%
LNST của CĐ cty mẹ	493	263	87.4%	834	478	74.6%

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ

(tỷ VNĐ)	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-126	-340	63.6	-338	-187	-1,092
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	154	-78.2	-337	728	-173	-834
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-29.5	515	251	-354	526	1,804
Tiền đầu kỳ	41.8	39.9	136	114	150	316
Lưu chuyển tiền thuần	-1.88	96.1	-22.1	35.7	166	-122
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	39.9	136	114	150	316	194

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	26,004	22,281	16.7%
Tài sản ngắn hạn	10,948	8,435	29.8%
Tiền và tương đương tiền	194	150	29.4%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	9,919	7,537	31.6%
Hàng tồn kho	737	694	6.1%
Tài sản ngắn hạn khác	99.2	54.2	82.8%
Tài sản dài hạn	15,056	13,845	8.7%
Phải thu dài hạn	530	1,293	-59.0%
Tài sản cố định	7,509	6,567	14.3%
Bất động sản đầu tư	33.4	34.3	-2.8%
Tài sản dở dang	5,959	5,022	18.7%
Đầu tư tài chính dài hạn	539	557	-3.3%
Tài sản dài hạn khác	485	371	30.8%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	15,630	12,955	20.6%
Nợ ngắn hạn	13,716	11,123	23.3%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	7,912	5,748	37.6%
Phải trả người bán ngắn hạn	1,028	987	4.2%
Nợ dài hạn	1,914	1,832	4.5%
Vay và nợ thuê dài hạn	1,408	1,217	15.6%
Nguồn vốn chủ sở hữu	10,375	9,326	11.2%
Vốn chủ sở hữu	10,375	9,326	11.2%
Vốn điều lệ	10,575	10,575	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

